TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05-7-2018
V/v "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN C, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Quốc Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thay;

Ông Huỳnh Văn Chớ.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Đức Dũng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 628/2017/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXX-ST, ngày 30 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1984; cư trú tại: Tổ 6, khu phố 1, thị trấn Tân C, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Lưu Thị Tuyết A, sinh năm 1982; hộ khẩu thường trú: Tổ 6, khu phố 1, thị trấn Tân C, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: Số 108, khu phố 6, phường 3, thành phố Tây N, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1959; cư trú tại: Tổ 4, khu phố 3, thị trấn Tân C, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1973; cư trú tại: Tổ 1, khu phố 1, thị trấn Tân C, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1964; cư trú tại: Tổ 10, ấp Tân X, xã Tân P, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1969; hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã Mỹ Thạnh T, huyện Đức H, tỉnh Long An; tạm trú: Tổ 3, ấp Hội T, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 14-11-2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh và chị Lưu Thị Tuyết A chung sống vợ, chồng từ năm 2009, nhưng đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Tân C, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; hôn nhân tự nguyện.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nhưng không trầm trọng và tự hòa giải được với nhau; từ khoảng tháng 6-2017 đến nay thì mâu thuẫn vợ, chồng ngày trầm trọng, gay gắt hơn, mà nguyên nhân từ việc bất đồng về quan điểm, về tiền bạc chi tiêu trong gia đình. Vợ chồng sống không còn tình cảm, hạnh phúc, nên anh K yêu cầu ly hôn với chị Tuyết A.

Về con chung: Có một cháu tên Nguyễn Lưu Bảo Kh, sinh ngày 12-8-2011, hiện cháu Kh đang sống với chị Tuyết A, anh K đồng ý giao cháu Kh cho chị Tuyết A nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có 01 phần đất diện tích 158,1 m^2, tại thửa số 70, tờ bản đồ số 38, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30-7-2015 do vợ, chồng cùng đứng tên. Đất tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn Tân C, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh.

Trên đất có 01 căn nhà xây chiều rộng 05m, chiều dài 23,5m, mái lợp tole, nền gạch men, tường xây; 01 căn nhà mái vòm tường gạch, lợp tole, nhưng anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản chung này.

Về nợ chung:

- Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tân C số tiền 80.000.000 đồng, vay vào khoảng tháng 3-2017, khi vay thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với số tài sản trên của vợ, chồng. Do nợ vay của Ngân hàng chưa đến hạn trả và Ngân hàng không yêu cầu giải quyết, nên anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản chung đã thế chấp và số tiền vay của Ngân hàng.

- Nợ bà Phan Thị Đ số tiền 10.000.000 đồng, vay thời gian nào anh không

nhớ, vay để mua vật tư xây dựng xây nhà cho khách hàng.

- Nợ tiền hụi của bà Nguyễn Thị Thanh N 01 phần hụi khui 200.000 đồng, nhưng không biết thời gian mở hụi, thời gian mãn hụi, số hụi viên tham gia, phần hụi này đã lĩnh được số tiền hơn 4.500.000 đồng;

- Nợ bà Nguyễn Thị G số tiền 5.000.000 đồng;

- Đối với số tiền nợ của bà Nguyễn Thị K 41.000.000 đồng, chị Tuyết A vay để làm gì anh không không biết, nên không đồng ý trả.

Lời khai của chị Lưu Thị Tuyết A: Chị và anh Nguyễn Văn K chung sống vợ, chồng và đăng ký kết hôn đúng như anh K trình bày; hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống vợ, chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn, từ khoảng tháng 6-2017 đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân bất đồng từ quan điểm về cuộc sống, về tài chính, anh K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ, chồng đã sống ly thân từ tháng 10-2017 cho đến nay. Tình cảm, hạnh phúc không còn nên chị Tuyết A đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh K.

Về con chung: Có một cháu tên Nguyễn Lưu Bảo Kh, sinh ngày 12-8-2011, hiện đang sống với chị. Chị Tuyết A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kh và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Gồm có nhà, đất đúng như anh K trình bày, nhưng chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung:

- Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tân C số tiền 100.000.000 đồng, không phải 80.000.000 đồng như anh K trình bày. Số nợ vay của Ngân hàng đến nay chưa đến hạn trả và Ngân hàng cũng chưa có yêu cầu trả nợ, do đó chị Tuyết A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ, chồng và số tiền vay của Ngân hàng như đã trình bày.

- Nợ tiền vay của bà Nguyễn Thị K 41.000.000 đồng; của bà Nguyễn Thị G 24.000.000 đồng; của bà Phan Thị Đ số tiền 10.000.000 đồng và nợ tiền hụi của bà Nguyễn Thị Thanh N 12.800.000 đồng. Tổng cộng tiền nợ 87.800.000 đồng, trong đó số tiền vay của bà Đ 10.000.000 đồng là nợ riêng của anh K. Tiền vay của bà K, bà G và tiền nợ hụi của bà N để trang trải chi phí sinh hoạt gia đình, đóng tiền học cho con và đưa cho anh K để làm vốn trong xây dựng, nên vợ chồng cùng có trách nhiệm trả.

Lời khai của bà Nguyễn Thị K: Ngày 20-7-2017, chị Tuyết A đến nhà vay của bà số tiền 41.000.000 đồng, khi vay có làm giấy do bà viết, chị A ký tên, không thỏa thuận lãi suất và hẹn 03 tháng trả lại. Khi vay tiền, chị A trình bày là để trả nợ và đưa cho anh K để làm vốn kinh doanh, đến nay chị A chưa trả cho bà được số

tiền nào. Do đó bà yêu cầu chị Tuyết A và anh K có trách nhiệm trả cho bà số tiền 41.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Lời khai của bà Nguyễn Thị G: Ngày 18-7-2017, chị Tuyết A đến nhà vay của bà số tiền 20.000.000 đồng, khi vay tiền có làm giấy do chị A viết và ký tên. Mục đích chị A vay tiền để trả nợ cho anh K; sau đó đến ngày 07-8-2017 chị A tiếp tục vay thêm 4.000.000 đồng và viết tiếp vào giấy nợ lập ngày 18-7-2017, để đóng tiền học cho con. Toàn bộ số tiền vay không có thỏa thuận lãi suất và hẹn 03 tháng hoàn trả, nhưng đến nay chị A chưa trả cho bà được số tiền nào, do đó bà yêu cầu chị Tuyết A và anh K có trách nhiệm trả cho bà số tiền 24.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Lời khai của bà Phan Thị Đ: Ngày 15-5-2017 âm lịch, anh K và chị Tuyết A ký giấy vay của bà số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất mỗi tháng 100.000 đồng và hẹn đến ngày 15-6-2017 âm lịch trả lại tiền vay. Đến hẹn anh K và chị Tuyết A không trả được nợ vay cho bà, nhưng anh K có đóng được tiền lãi tổng cộng 600.000 đồng. Bà yêu cầu anh K và chị Tuyết A trả lại cho bà số tiền vay 10.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Lời khai của bà Nguyễn Thị Thanh N:

Ngày 15-3-2017 âm lịch, bà có mở dây hụi 200.000 đồng, 10 ngày khui một lần, có 31 phần, vợ chồng chị Tuyết A tham gia 02 phần;

- Tại kỳ thứ 06 ngày 17-5-2017 âm lịch, chị Tuyết A kêu và lĩnh được 01 phần hụi với số tiền 4.100.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng 100.000 đồng), sau khi lĩnh hụi, chị Tuyết A góp tiền hụi chết đến kỳ hụi thứ 15, ngày 25-7-2017 âm lịch thì ngưng cho đến nay.

- Tại kỳ thứ 07 ngày 26-5-2017 âm lịch, chị Tuyết A kêu và lĩnh được phần hụi thứ 02 với số tiền 4.150.000 đồng, sau khi lĩnh hụi, chị Tuyết A góp tiền hụi chết đến kỳ hụi thứ 15, ngày 25-7-2017 âm lịch thì ngưng cho đến nay.

Ngày 10-02-2017 âm lịch, bà có mở dây hụi 200.000 đồng, 10 ngày khui một lần, có 36 phần, vợ chồng chị Tuyết A tham gia 02 phần;

- Tại kỳ thứ 10 ngày 11-5-2017 âm lịch, chị Tuyết A kêu và lĩnh được phần hụi thứ nhất với số tiền 4.690.000 đồng (đã trừ hoa hồng 100.000 đồng), sau khi lĩnh hụi, chị Tuyết A góp tiền hụi chết đến kỳ hụi thứ 19, ngày 20-7-2017 âm lịch thì ngưng cho đến nay.

Tại kỳ thứ 11 ngày 24-5-2017 âm lịch, chị Tuyết A kêu và lĩnh được phần hụi thứ nhất với số tiền 4.650.000 đồng (đã trừ hoa hồng 100.000 đồng), sau khi lĩnh hụi, chị Tuyết A góp tiền hụi chết đến kỳ hụi thứ 19 vào ngày 20-7-2017 âm lịch thì ngưng cho đến nay. Tổng số tiền hụi chị Tuyết A còn nợ lại bà 12.800.000

đồng.

Chị Tuyết A là người trực tiếp tham gia hụi, nhưng việc tham gia hụi này anh K có biết. Dây hụi ngày 15-3-2017 âm lịch, chị Tuyết A lĩnh để cho anh K trả tiền vật tư xây dựng; dây ngày 10-02-2017 âm lịch, chị Tuyết A lĩnh để làm vốn kinh doanh. Bà N yêu cầu anh K và chị Tuyết A trả cho bà số tiền hụi 12.800.000 đồng, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay, anh K có đơn xin xét xử vắng mặt.

Chị Tuyết A vắng mặt.

Bà K, bà G, bà Đ, bà N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với chị Lưu Thị Tuyết A là bị đơn trong vụ án được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

- Về nội dung: Anh Nguyễn Văn K và chị Lưu Thị Tuyết A chung sống vợ, chồng có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống giữa anh K và chị Tuyết A phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, do đó anh K và chị Tuyết A thuận tình ly hôn là tự nguyện, nên ghi nhận. Về con chung, ghi nhận anh K đồng ý giao cháu Nguyễn Lưu Bảo Kh cho chị Tuyết A trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng theo yêu cầu của chị Tuyết A. Về nợ chung, ghi nhận ngày 11-5-2018 và ngày 25-5-2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập gồm: Bà Nguyễn Thị G, bà Phan Thị Đ, bà Nguyễn Thị K và bà Nguyễn Thị Thanh N làm đơn xin rút đơn khởi kiện nên đình chỉ giải quyết. Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn K là nguyên đơn trong vụ án; bà Nguyễn Thị Thanh N, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị G và bà Phan Thị Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có yêu cầu độc lập vắng mặt, nhưng các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục đảm bảo cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Lưu Thị Tuyết A là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa lần thứ hai

nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt chị Tuyết A.

[2] Về nội dung: Anh Nguyễn Văn K và chị Lưu Thị Tuyết A chung sống với nhau từ năm 2009 và đăng ký kết hôn ngày 30-8-2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân C, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Nhưng xét thấy trong thời gian chung sống, giữa anh K và chị Tuyết A cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị thường xuyên cãi vã gây gổ với nhau và từ khoảng tháng 6-2017 đến nay, thì mâu thuẫn ngày càng gay gắt, trầm trọng hơn, mà nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn tin tưởng nhau về tài chính trong gia đình, chị Tuyết A nghi ngờ anh K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và hai người đã sống ly thân từ đó cho đến nay, nên chị Tuyết A đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh K. Xét chị Tuyết A đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh K là tự nguyện, nên ghi nhận.

[3] Về con chung, có 01 cháu tên Nguyễn Lưu Bảo Kh, sinh ngày 12-8-2011 chị Tuyết A đang nuôi dưỡng và chị Tuyết A yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Anh K đồng ý giao cháu Kh cho chị Tuyết A trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của chị Tuyết A.

[4] Về tài sản chung: Anh K, chị Tuyết A không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án vụ án xin ly hôn giữa anh Nguyễn Văn K và chị Lưu Thị Tuyết A, Tòa án nhân dân huyện Tân Châu nhận được đơn khởi kiện yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị G yêu cầu anh K, chị Tuyết A trả số tiền vay 24.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị K yêu cầu trả số tiền vay 41.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Thanh N yêu cầu trả tiền nợ hụi 12.800.000 đồng và bà Phan Thị Đ yêu cầu trả số tiền vay 10.000.000 đồng, các đương sự không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại bản tự khai ký ngày 11-5-2018 và ngày 25-5-2018 bà G, bà K, bà Đ, bà N trình bày, số tiền nợ theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập của từng người được anh K, chị Tuyết A trả đủ, nên đã xin rút đơn khởi kiện. Do đó, đình chỉ giải quyết theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập của bà G, bà K, bà Đ, bà N.

[6] Tiền tạm ứng án phí; nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm được xử lý theo quy định tại Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, 471 Bộ luật Dân sự dân sự năm 2015; Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn K và chị Lưu Thị Tuyết A.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lưu Bảo Kh, sinh ngày 12-8-2011 cho chị Lưu Thị Tuyết A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Kh mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7-2018.

Anh Nguyễn Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn K và Lưu Thị Tuyết A không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Ghi nhận người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập gồm: Bà Nguyễn Thị G, bà Phan Thị Đ, bà Nguyễn Thị K và bà Nguyễn Thị Thanh N có đơn xin rút đơn khởi kiện, nên đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của bà G, bà Đ, bà K, bà N đối với anh Nguyễn Văn K và chị Lưu Thị Tuyết A.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, tổng cộng 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0024933, ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; anh K còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Bà guyễn Thị G, bà Phan Thị Đ, bà Nguyễn Thị K và bà Nguyễn Thị Thanh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà G 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0025073, ngày 05-01-2018; trả lại cho bà K 1.025.000 đồng (một triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0025075, ngày 08-01-2018; trả lại cho bà N 320.000 đồng (ba trăm, hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0025074, ngày 08-01-2018; trả lại cho bà Đ 250.000 đồng (hai trăm, năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0025175, ngày 31-01-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án này tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú./.

***Nơi nhận**:*
- *TAND tỉnh Tây Ninh;*
- *VKSND huyện Tân C;*
- *Chi cục THADS huyện Tân C;*
- *UBND thị trấn Tân C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu tập án, VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trần Quốc Vũ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thành viên Hội đồng xét xử | Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa